

Số: 1109/QĐ-LTT-CTCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

**Xét cấp học bổng khuyến khích học tập Học kỳ II/2017-2018**

**Khóa: 2016 Trung cấp nghề (9+4)**

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT-TC ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH ký ngày 30 tháng 12 năm 2008 về học bổng khuyến khích học nghề của Bộ Trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi bổ sung khoản 3 điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-LTT-KHTC ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018;

Căn cứ vào điểm trung bình chung học tập và kết quả rèn luyện HKII/2017-2018;

Căn cứ vào Tờ trình đề xuất phương án chi học bổng khuyến khích học tập Học kỳ II năm học 2017-2018 của phòng Kế hoạch – Tài chính ngày 28 tháng 9 năm 2018;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Xét cấp học bổng khuyến khích học tập HKII/2017-2018 cho 31 học sinh khóa: 2016 Trung cấp nghề (9+4), đạt điểm chuẩn học bổng khuyến khích học tập;

- Học bổng loại Giỏi có điểm  $TBCHT \geq 8.00$  và  $KQRL \geq 80$  = 07 HS;

- Học bổng loại Khá có điểm  $TBCHT \geq 7.00$  và  $KQRL \geq 70$  = 24 HS;

Tiêu chuẩn học bổng: Chỉ lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất. Trong đó không có điểm thi, kiểm tra và tổng kết môn học  $< 5$ , không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên và kết quả rèn luyện từ khá trở lên trong học kỳ II (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Những học sinh có tên trong danh sách được nhận 05 tháng học bổng theo quy định hiện hành và nhận trong HKI/2018-2019, với các mức học bổng như sau:

- Mức học bổng loại Giỏi = 425.000đ/tháng/HS;
- Mức học bổng loại Khá = 250.000đ/tháng/HS.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng phòng, khoa, giáo viên chủ nhiệm và những học sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Lưu: VT, P.CTCT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Hữu Lộc**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Khóa 2016 Trung cấp nghề (9+4)  
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)**  
Học kỳ II năm học 2017-2018

| Số TT | Họ và tên       |       | Mã số    | Lớp       | ĐIỂM TBCHT | KQRL | Đối tượng | Mức học bổng (sinh hoạt phí) | Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng | Các khoản phải khấu trừ |      |         | Số còn được lĩnh  | Ký nhận |
|-------|-----------------|-------|----------|-----------|------------|------|-----------|------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------|------|---------|-------------------|---------|
|       |                 |       |          |           |            |      |           |                              |                                             | ....                    | .... | Tổng số |                   |         |
| A     | B               |       | C        |           |            |      | D         | 1                            | 4                                           | 5                       | 6    | 7       | 8 = 4 - 7         | E       |
| 1     | Châu Kim        | Phước | 16000398 | 16TCN-CKL | 9.20       | 83   | Giỏi      | 2.125.000                    | 2.125.000                                   |                         |      |         | 2.125.000         |         |
| 2     | Lại Thế         | Quyển | 16003849 | 16TCN-Ô1  | 9.10       | 85   | Giỏi      | 2.125.000                    | 2.125.000                                   |                         |      |         | 2.125.000         |         |
| 3     | Hồ Hoàng Đăng   | Thị   | 16001756 | 16TCN-QTD | 8.70       | 86   | Giỏi      | 2.125.000                    | 2.125.000                                   |                         |      |         | 2.125.000         |         |
| 4     | Trần Ngọc       | Hiển  | 16001070 | 16TCN-ĐT  | 8.30       | 83   | Giỏi      | 2.125.000                    | 2.125.000                                   |                         |      |         | 2.125.000         |         |
| 5     | Nguyễn Trung    | Hậu   | 16001678 | 16TCN-Ô1  | 8.30       | 81   | Giỏi      | 2.125.000                    | 2.125.000                                   |                         |      |         | 2.125.000         |         |
| 6     | Nguyễn Thị Hồng | Thắm  | 16000287 | 16TCN-QTD | 8.20       | 82   | Giỏi      | 2.125.000                    | 2.125.000                                   |                         |      |         | 2.125.000         |         |
| 7     | Nguyễn Văn Quốc | Việt  | 16001852 | 16TCN-CKL | 8.10       | 80   | Giỏi      | 2.125.000                    | 2.125.000                                   |                         |      |         | 2.125.000         |         |
|       | <b>Cộng =</b>   |       | <b>7</b> |           |            |      |           |                              |                                             |                         |      |         | <b>14.875.000</b> |         |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Mười bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn)

Người lập



Hoàng Ngọc Cảnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Kinh

Ngày 11 tháng 10 năm 2018

Thu trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Khóa 2016 Trung cấp nghề (9+4)  
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ II năm học 2017-2018

| Số TT | Họ và tên         |        | Mã số    | Lớp        | ĐIỂM TBCHT | KQRL | Đổi tượng | Mức học bổng (sinh hoạt phí) | Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng | Các khoản phải khấu trừ |       |         | Số còn được lĩnh | Ký nhận |
|-------|-------------------|--------|----------|------------|------------|------|-----------|------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------|-------|---------|------------------|---------|
|       |                   |        |          |            |            |      |           |                              |                                             | .....                   | ..... | Tổng số |                  |         |
| A     | B                 |        | C        |            |            |      | D         | 1                            | 4                                           | 5                       | 6     | 7       | 8 = 4 - 7        | E       |
| 1     | Lại Minh          | Trí    | 16000057 | 16TCN-QTM1 | 9.00       | 72   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |
| 2     | Mai Minh          | Hiếu   | 16000007 | 16TCN-ĐT   | 8.90       | 73   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |
| 3     | Trần Đăng         | Khoa   | 16000591 | 16TCN-CKL  | 8.60       | 77   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |
| 4     | Dương VI          | Nghiệp | 16000471 | 16TCN-CKL  | 8.60       | 72   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |
| 5     | Huỳnh Quốc        | Ẩn     | 16000423 | 16TCN-Đ    | 8.50       | 77   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |
| 6     | Phan Lâm          | Huy    | 16000229 | 16TCN-CKL  | 8.50       | 70   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |
| 7     | Nguyễn Tân        | Tiến   | 16002587 | 16TCN-CKL  | 8.40       | 73   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |
| 8     | Dương Gia         | Chiêu  | 16000026 | 16TCN-QTM1 | 8.30       | 70   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |
| 9     | Nguyễn Ngọc       | Long   | 16000040 | 16TCN-ĐT   | 8.20       | 78   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |
| 10    | Vũ Minh           | Tiến   | 16000246 | 16TCN-CKL  | 8.00       | 78   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |
| 11    | Bùi Tiến          | Đạt    | 16002687 | 16TCN-CKL  | 8.00       | 72   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |
| 12    | Nguyễn Hòa        | Hợp    | 16000213 | 16TCN-ĐT   | 7.90       | 77   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |
| 13    | Phạm Ngọc Bích    | Trâm   | 16000369 | 16TCN-QTD  | 7.80       | 86   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |
| 14    | Nguyễn Hoàng Quốc | Đạt    | 16000647 | 16TCN-QTM1 | 7.80       | 78   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |
| 15    | Đoàn Thị Thanh    | Huyền  | 16000316 | 16TCN-QTD  | 7.80       | 76   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |       |         | 1.250.000        |         |



2

| Số TT | Họ và tên      |        | Mã số    | Lớp        | ĐIỂM TBCHT | KQRL | Đổi tượng | Mức học bổng (sinh hoạt phí) | Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng | Các khoản phải khấu trừ |      |         | Số còn được lĩnh | Ký nhận |
|-------|----------------|--------|----------|------------|------------|------|-----------|------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------|------|---------|------------------|---------|
|       |                |        |          |            |            |      |           |                              |                                             | ....                    | .... | Tổng số |                  |         |
| A     | B              |        | C        |            |            |      | D         | I                            | 4                                           | 5                       | 6    | 7       | 8 = 4 - 7        | E       |
| 16    | Trương Quế     | Anh    | 16003035 | 16TCN-QTD  | 7.80       | 71   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |      |         | 1.250.000        |         |
| 17    | Ngô Thị Mỹ     | Hạnh   | 16000172 | 16TCN-QTD  | 7.70       | 84   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |      |         | 1.250.000        |         |
| 18    | Nguyễn Diệu    | Thảo   | 16000272 | 16TCN-QTD  | 7.70       | 76   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |      |         | 1.250.000        |         |
| 19    | Tổng Thị Thanh | Thùy   | 16000044 | 16TCN-QTD  | 7.70       | 76   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |      |         | 1.250.000        |         |
| 20    | Là Minh        | Trường | 16001823 | 16TCN-QTM1 | 7.70       | 70   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |      |         | 1.250.000        |         |
| 21    | Trần Tường     | Duy    | 16000315 | 16TCN-QTD  | 7.50       | 76   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |      |         | 1.250.000        |         |
| 22    | Đinh Quý       | Thanh  | 16001815 | 16TCN-Ô1   | 7.40       | 73   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |      |         | 1.250.000        |         |
| 23    | Nguyễn Xuân    | Phú    | 16000106 | 16TCN-LDL1 | 7.40       | 71   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |      |         | 1.250.000        |         |
| 24    | Nguyễn Văn     | Hoài   | 16002893 | 16TCN-Đ    | 7.10       | 70   | Khá       | 1.250.000                    | 1.250.000                                   |                         |      |         | 1.250.000        |         |
|       | Cộng =         |        | 24       |            |            |      |           |                              |                                             |                         |      |         | 30.000.000       |         |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn)

Người lập



Hoàng Ngọc Cảnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Kinh

Ngày 11 tháng 10 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc